

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/DS-ST

Ngày: 23/4/2021

Về việc “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Kim Chi.
2. Ông Lê Thanh Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị Thu Ng, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Ngày 07/5/2020, chị cho chị Võ Thị Thu Ng vay số tiền 20.000.000 đồng để giải quyết để giải quyết việc gia đình, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, hạn trả vốn ngày 01/10/2020, giao dịch có làm biên nhận do chị Ng viết và ký tên.

Quá trình thực hiện, chị Ng có trả được 03 tháng lãi thì không trả lãi nữa, vốn đến nay cũng không trả. Chị đã đòi nhiều lần nhưng chị Ng chỉ hứa hẹn kéo dài.

Chị yêu cầu chị Ng có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay còn nợ là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, thời gian trả một lần Ngy sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Bị đơn là chị Võ Thị Thu Ng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại tờ tự khai ngày 24/02/2021 chị Ng trình bày:

Thông nhất có vay của chị Lê Thị N số tiền 20.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, hẹn đến cuối tháng 10/2020 trả vốn. Quá trình thực hiện chị có trả lãi một thời gian, sau đó do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không trả lãi được nữa. Chị Ng xác định biên nhận nợ ngày 07/5/2020 mà chị N cung cấp cho Tòa án đúng là do chị viết và ký tên.

Với yêu cầu của chị N thì chị đồng ý trả số tiền vốn vay còn nợ 20.000.000 đồng nhưng xin trả dần trong thời gian 02 năm.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Võ Thị Thu Ng có nơi cư trú tại ấp T, xã Y, huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; chị Võ Thị Thu Ng đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, chị Ng.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Chị Võ Thị Thu Ng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại tờ tự khai chị Ng thừa nhận hiện còn nợ chị N số tiền như chị N trình bày. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên*

đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc chị Ng có vay số tiền 20.000.000 đồng của chị N là có thật.

Chị Ng là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, tham gia giao dịch với ý chí tự nguyện nên hợp đồng vay tài sản giữa chị N và chị Ng là có hiệu lực pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng chị Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa hai bên. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...”*. Do vậy, chị N có quyền yêu cầu chị Ng có nghĩa vụ trả lại số tiền đã cho vay để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do đó, Hội đồng xét xử buộc chị Ng có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của chị N là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3.2] Về tiền lãi: Chị N, chị Ng không yêu cầu giải quyết về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Trong vụ án này, yêu cầu của chị N được chấp nhận toàn bộ nên chị Ng phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

Buộc chị Võ Thị Thu Ng có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị N số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

Chị Võ Thị Thu Ng phải nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017036 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị N, chị Võ Thị Thu Ng được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú